

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKT ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Ngành	:	Tài chính - Ngân hàng
Mã ngành	:	9340201
Trình độ	:	Tiến sĩ
Văn bằng	:	Tiến sĩ
Số tín chỉ	:	90

1. Mục tiêu

Chương trình nhằm đào tạo các tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng có trình độ cao về lý thuyết với những kiến thức lý thuyết hiện đại nhất và năng lực thực hành phù hợp; có năng lực thực hiện các nghiên cứu một cách độc lập, sáng tạo; có tư duy phản biện, chủ động phát hiện và giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học; có đủ kiến thức và kỹ năng để hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có tinh thần trung thực và trách nhiệm cao trong nghiên cứu, tuân thủ pháp luật, có ý thức vì cộng đồng.

2. Chuẩn đầu ra (CĐR)

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Nghiên cứu sinh (NCS) sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng có khả năng:

TT	Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
1	PLO 1	Hệ thống hoá lý luận và phát triển lý luận liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng
2	PLO 2	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết vấn đề học thuật trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng
3	PLO 3	Có kỹ năng trình bày công trình nghiên cứu học thuật trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

4	PLO 4	Có kỹ năng quản lý và triển khai hoạt động nghiên cứu
5	PLO 5	Có năng lực sử dụng tiếng Anh đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghiên cứu
6	PLO 6	Tuân thủ sự liêm chính trong nghiên cứu, có ý thức vì cộng đồng

2.2. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc tiến sĩ

2.2.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc tiến sĩ

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<ul style="list-style-type: none"> - KT1: Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học. - KT2: Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo. - KT3: Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới. - KT4: Kiến thức về quản trị tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - KN1: Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. - KN2: Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn. - KN3: Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. - KN4: Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển. - KN5: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - TCTN1: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới. - TCTN2: Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau. - TCTN3: Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác. - TCTN4: Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia. - TCTN5: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

2.2.2. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với CDR theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học

	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
KT1					X	
KT2	X					

KT3		X				
KT4				X		
KN1		X				
KN2	X				X	
KN3		X				
KN4						
KN5			X			
TCTN1					X	
TCTN2		X				
TCTN3						X
TCTN4						
TCTN5				X		

3. Cơ hội nghề nghiệp

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng do Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng đào tạo có thể đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

- Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng có các ngành về tài chính - ngân hàng hoặc các trường đại học có các ngành về kinh tế và quản trị kinh doanh.

- Nghiên cứu tại các viện nghiên cứu chuyên sâu về tài chính - ngân hàng, hoặc các viện nghiên cứu về kinh tế.

- Nghiên cứu và/hoặc giảng dạy tại các bộ phận nghiên cứu hoặc các trung tâm đào tạo của các tổ chức tài chính - ngân hàng (các ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, ...) và các cơ quan quản lý tài chính công.

- Đảm nhiệm các vị trí quản lý ở các cấp độ thuộc các lĩnh vực sau:

- + Quản lý nhà nước về tài chính công;

- + Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- + Các cơ quan khác có chức năng quản lý vĩ mô về tài chính, tiền tệ và ngân hàng.

- Đảm nhiệm các vị trí quản lý tại ngân hàng và các định chế tài chính khác, quản trị tài chính trong các doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

5. Cách tính điểm: Theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành.

6. Điều kiện để công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của Trường ĐHKHT đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Trường ĐHKHT (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trường ĐHKHT.

Điều kiện được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ có thể được cập nhật theo Quy chế đào tạo hiện hành.

7. Phương pháp dạy và học

7.1. Các phương pháp dạy và học

TT	Mã phương pháp	Tên phương pháp	Nhóm phương pháp
1	TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	Phương pháp giảng dạy trực tiếp
2	TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	
3	TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	
4	TLM4	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	Phương pháp kỹ năng suy nghĩ
5	TLM5	Tập kích não (Brainstorming)	
6	TLM6	Học theo tình huống (Case Study)	

7	TLM7	Đóng vai (Role Play)	Phương pháp dựa trên hoạt động
8	TLM8	Trò chơi (Game)	
9	TLM9	Đi thực tế (Field Trip)	
10	TLM10	Tranh luận (Debates)	
11	TLM11	Thảo luận (Discussion)	Phương pháp hợp tác
12	TLM12	Học nhóm (Teamwork Learning)	
13	TLM13	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	
14	TLM14	Dự án nghiên cứu (Research Project)	Phương pháp học tập độc lập
15	TLM15	Học trực tuyến (Online Learning)	
16	TLM16	Bài tập (Work Assignment)	
17	TLM17	Khác (Others)	

**Nội dung các phương pháp dạy và học được đính kèm theo Phụ lục 1 của chương trình đào tạo này.*

7.2. Sự tương thích giữa phương pháp dạy và học và CDR chương trình đào tạo

TT	Mã phương pháp	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
1	TLM1	X	X	X			X
2	TLM2	X	X	X			X
3	TLM3	X	X				
4	TLM4	X	X	X	X	X	
5	TLM5				X	X	
6	TLM6	X	X	X	X	X	
7	TLM7						
8	TLM8						
9	TLM9						
10	TLM10						
11	TLM11	X	X	X	X	X	X
12	TLM12			X	X	X	X
13	TLM13	X	X		X	X	X
14	TLM14			X			X
15	TLM15		X	X			X
16	TLM16	X	X	X	X	X	
17	TLM17						

8. Phương pháp đánh giá

8.1. Các phương pháp đánh giá

TT	Mã phương pháp	Tên phương pháp
1	AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)
2	AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)
3	AM3	Thuyết trình (Oral Presentation)
4	AM4	Đánh giá hoạt động (Performance Test)
5	AM5	Nhật kí thực tập (Journal and Blogs)
6	AM6	Thi viết tự luận (Essay)
7	AM7	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)
8	AM8	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)
9	AM9	Viết báo cáo (Written Report)
10	AM10	Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)
11	AM11	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)
12	AM12	Báo cáo luận văn/đề án (Graduation Thesis/ Report)

**Nội dung các phương pháp đánh giá được đính kèm theo Phụ lục 2 của chương trình đào tạo này.*

8.2. Sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và CDR chương trình đào tạo

TT	Mã phương pháp	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
1	AM1						X
2	AM2	X	X	X	X	X	
3	AM3	X	X				
4	AM4						
5	AM5						
6	AM6	X	X	X	X	X	
7	AM7						
8	AM8	X	X	X			
9	AM9	X	X	X			
10	AM10	X	X	X			
11	AM11	X	X				
12	AM12	X	X	X	X	X	X

9. Khung chương trình đào tạo

9.1. Đối với NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số TC nghiên cứu	Học kỳ dự kiến
I	Các học phần		12	6	
A	Học phần bắt buộc				
1	MGT9011	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	3	1
2	BAN9004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính - ngân hàng	3	3	1
B	Học phần tự chọn (Chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)				
3	FIN9001	Công cụ tài chính vĩ mô	2	0	2
4	FIN9002	Các mô hình tài chính hiện đại	2	0	2
5	FIN9003	Tài chính công ty nâng cao	2	0	2
6	FIN9004	Quản trị rủi ro tài chính	2	0	2
7	MGT9012	Quản trị công ty	2	0	2
II	Các tiểu luận, các chuyên đề		8	8	
8	BAN9001	Tiểu luận tổng quan	2	2	2
9	BAN9002	Chuyên đề nghiên cứu 1	3	3	3
10	BAN9003	Chuyên đề nghiên cứu 2	3	3	3
III	Luận án		70	70	
11	BAN9005	Luận án	70	70	
	Tổng		90		

9.2. Đối với NCS tốt nghiệp đại học loại giỏi chưa tốt nghiệp thạc sĩ

Ngoài việc học các học phần và các chuyên đề nghiên cứu, tiểu luận tiến sĩ như đối với nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp thạc sĩ, nghiên cứu sinh tốt nghiệp đại học loại giỏi phải học và hoàn thành 30 tín chỉ ở chương trình thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng, trong đó có 12 tín chỉ nghiên cứu. Việc học bổ sung các học phần ở chương trình thạc sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế.

10. Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
1	MGT9011	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh		X	X	X	X	X
2	BAN9004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính – ngân hàng		X	X	X	X	X
3	FIN9001	Công cụ tài chính vĩ mô	X	X			X	X
4	FIN9002	Các mô hình tài chính hiện đại	X	X			X	X
5	FIN9003	Tài chính công ty nâng cao	X	X			X	X
6	FIN9004	Quản trị rủi ro tài chính	X	X			X	X
7	MGT9012	Quản trị công ty	X	X			X	X
8	BAN9001	Tiểu luận tổng quan	X	X	X	X	X	X
9	BAN9002	Chuyên đề nghiên cứu 1	X	X	X	X	X	X
10	BAN9003	Chuyên đề nghiên cứu 2	X	X	X	X	X	X
11	BAN9005	Luận án	X	X	X	X	X	X

11. Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước

Đính kèm Phụ lục 3 của chương trình đào tạo này.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Hướng dẫn chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ gồm 90 tín chỉ với thời gian đào tạo chuẩn được thiết kế là 4 năm. Chương trình đào tạo được triển khai theo hệ thống đào tạo tín chỉ, cho phép NCS linh hoạt trong triển khai kế hoạch học tập cá nhân.

Quá trình thực hiện chương trình tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Kinh tế. Mỗi năm học có hai học kỳ chính (bắt đầu từ giữa tháng 8 đến cuối tháng 6) và một học kỳ hè (bắt đầu từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8). Theo lộ trình đào tạo, NCS sẽ học các học phần thuộc chương trình đào tạo tiến sĩ trong 2 năm đầu tiên, nhằm trang bị cho NCS các kiến

thức cũng như công cụ nền tảng để nghiên cứu luận án. Từ năm thứ 3 trở đi, NCS tập trung thực hiện đề tài luận án.

Các học phần được thiết kế và triển khai giảng dạy căn cứ theo mục tiêu của học phần, liên tục được cải thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp từ người học, các giảng viên trong Khoa cũng như các đối tượng hữu quan khác. Đối với các học phần tự chọn, người hướng dẫn sẽ tư vấn để NCS chọn các học phần phù hợp nhất nhằm trang bị kiến thức và công cụ mà NCS cần có để thực hiện đề tài luận án. Đối với các tiểu luận và chuyên đề tiến sĩ, người hướng dẫn sẽ tư vấn để NCS chọn các vấn đề nghiên cứu phù hợp nhất nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn mà NCS cần có để thực hiện đề tài luận án.

Các học phần được tổ chức giảng dạy, đánh giá theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

Trường hợp đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12.2. Hướng dẫn về đảm bảo chất lượng đào tạo

Chương trình đào tạo được xem xét và cập nhật hàng năm. Cứ sau 5 năm, chương trình đào tạo được xem xét tổng thể, toàn diện để có các cập nhật cho phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Việc thực hiện đảm bảo chất lượng đào tạo chương trình tuân thủ theo Chính sách chất lượng áp dụng tại Trường Đại học Kinh tế (ban hành kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-ĐHKT ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế).

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

1. Phương pháp giảng dạy trực tiếp

Đối với phương pháp giảng dạy trực tiếp, thông tin được truyền đạt đến NCS theo cách trực tiếp: giáo viên giảng bài và NCS lắng nghe. Phương pháp này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho NCS những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kỹ năng mới.

Phương pháp giảng dạy trực tiếp được áp dụng bao gồm:

- *Giải thích cụ thể - Explicit Teaching (TLM1)*: với phương pháp này, giảng viên sẽ hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp NCS đạt được các kiến thức và kỹ năng.

- *Thuyết giảng - Lecture (TLM2)*: Giảng viên trình bày và giải thích nội dung bài giảng. Người dạy sẽ trình bày các chi tiết của bài giảng và NCS có trách nhiệm nghe và ghi lại các điều cần thiết để đạt được kiến thức.

- *Tham luận - Guest lecture (TLM3)*: Với phương pháp này, NCS được tham gia cùng với người trình bày, diễn giả không phải là giảng viên. Họ là các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế và hợp tác quốc tế đến từ các cơ quan quản lý nhà nước, ban ngành các cấp từ trung ương đến địa phương, hoặc các tổ chức quốc tế tổ chức xã hội, phi lợi nhuận liên quan đến công việc hoạch định phương pháp, chính sách, quy hoạch và quản lý hoạt động kinh tế quốc tế, hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam có quan hệ kinh tế với nước ngoài, các công ty liên doanh, văn phòng đại diện của nước ngoài và các công ty nước ngoài tại Việt Nam, hoặc các nghiên cứu viên kinh nghiệm tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và các cơ sở nghiên cứu. Phương pháp này được sử dụng cho một nhóm các học phần của chuyên ngành và được thực hiện gắn với hoạt động ngoại khóa của chương trình đào tạo.

2. Phương pháp kỹ năng suy nghĩ

Phương pháp kỹ năng suy nghĩ phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành kỹ năng phản xạ trong phương pháp học tập của

NCS. Những phương pháp này được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo, độc lập; bao gồm: giải quyết vấn đề, động não và nghiên cứu trường hợp cụ thể.

- *Giải quyết vấn đề - Problem Solving (TLM4)*: Trong quá trình học, NCS phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các vướng mắc giữa tình hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó học được các kiến thức mới trong khi đối mặt và giải quyết vấn đề.

- *Tập kích não - Brainstorming (TLM5)*: Trong quá trình làm việc nhóm, NCS được yêu cầu sử dụng phương pháp này để tạo ra các câu hỏi, ý tưởng và ví dụ; được dùng để minh họa, mở rộng và đào sâu vào ý tưởng chính hoặc chủ đề. Mỗi thành viên của nhóm được khuyến khích đóng góp ý kiến mà không cần quan tâm tới tính khả thi. Phương pháp này tạo nên sự linh hoạt suy nghĩ của NCS và giúp tăng khả năng tìm kiếm và mở rộng vấn đề. Nó được dùng trong các học phần nhằm phát triển cách suy nghĩ sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và phương pháp giải quyết vấn đề.

- *Học theo tình huống - Case Study (TLM6)*: Đây là một phương pháp dạy lấy tâm điểm là NCS, giúp NCS tạo ra lối tư duy sâu để trao đổi với giảng viên, NCS khác. Với phương pháp này, giảng viên sẽ đưa ra các nhiệm vụ và các mốc thời gian tùy theo từng tình huống, vấn đề và thách thức gặp phải. Việc yêu cầu NCS xác định và phân tích vấn đề sẽ giúp NCS hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng học tập.

3. Phương pháp dựa trên hoạt động

Phương pháp này khuyến khích NCS học tập thông qua các hoạt động thực tế. Những hoạt động này cung cấp cho NCS cơ hội trải nghiệm thực tế, điều này sẽ thúc đẩy người học thực hiện các khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.

- *Đóng vai - Role play (TLM7)*: Phương pháp mà NCS giả định các vai diễn khác nhau trong một tình huống và tương tác (diễn) với người khác.

- *Trò chơi - Game (TLM8)*: Các trò chơi được xem như là hoạt động tương tác, có thể tạo ra sự hỗ trợ qua lại giữa giảng viên – NCS hoặc các thành viên trong

lớp, giúp hệ thống hóa kiến thức đồng thời tăng cường sự tự tin của NCS. Trò chơi có thể được giảng viên đưa ra để mở đầu hoặc kết thúc bài học. Trò chơi cũng có thể được nhóm NCS đưa ra từ sự khuyến khích của giảng viên trong quá trình làm việc nhóm để mở đầu hoặc kết thúc bài thuyết trình của nhóm.

- *Đi thực tế - Field Trip (TLM9)*: NCS được tham quan, khảo sát tại một số cơ quan quản lý nhà nước, ban ngành các cấp từ trung ương đến địa phương hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam có quan hệ kinh tế với nước ngoài, các công ty liên doanh, văn phòng đại diện của nước ngoài và các công ty nước ngoài để trải nghiệm môi trường làm việc thực tế của chuyên ngành kinh tế quốc tế, cung cấp các cơ hội khám phá và học hỏi chuyên môn trong công việc, xây dựng các kỹ năng nơi làm việc, dần hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho quá trình làm việc về sau. Phương pháp này được sử dụng cho một nhóm các học phần của chuyên ngành và được thực hiện gắn với hoạt động ngoại khóa của chương trình đào tạo.

- *Tranh luận - Debates (TLM10)*: Đây là phương pháp mà giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan tới bài học và NCS, với những ý kiến khác nhau, cố thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. Qua tranh luận, NCS đạt được những kỹ năng hữu ích như tư duy sâu, đàm phán, ra quyết định, và nói trước đám đông.

4. Phương pháp hợp tác

Phương pháp hợp tác giúp NCS trở nên năng động, có trách nhiệm và chu đáo, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, NCS có thể thực hành các kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. Phương pháp này tập trung vào cách làm cho NCS tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế.

- *Thảo luận - Discussion (TLM11)*: Một Phương pháp mà NCS được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra từ trước. Phương pháp này giúp cho NCS phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và bàn luận với thầy/cô, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.

- *Học nhóm - Teamwork Learning (TLM12)*: NCS được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc

thuyết trình. Trong chương trình học, NCS được cung cấp kiến thức căn bản và kỹ năng làm việc nhóm từ năm nhất. Tiếp đó, họ sẽ luyện tập phương pháp này trong những học phần ở các cấp độ khác nhau.

- *Câu hỏi gợi mở - Inquiry (TLM13)*: Giảng viên sử dụng các câu hỏi hoặc vấn đề mở và hướng dẫn NCS/nhóm NCS trả lời từng bước một.

5. Phương pháp học tập độc lập

- *Dự án nghiên cứu - Research Project (TLM14)*: Phương pháp này cho NCS khả năng lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp về một chủ đề một cách độc lập và còn hơn cả thế, dưới sự hướng dẫn của đội ngũ trong Khoa. Nó cũng tăng cường động lực học tập và tính chủ động học tập vì NCS được quyền lựa chọn điều gì mà họ muốn trình bày. Khoa và DUE có thư viện với lượng sách dồi dào và cập nhật là tài nguyên hỗ trợ hữu ích cho việc tự học của NCS.

- *Học trực tuyến (TLM15)*: Giảng viên và NCS dùng các công cụ trực tuyến hỗ trợ quá trình dạy và học.

- *Bài tập - Work Assignment (TLM16)*: NCS được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà. Qua quá trình này, NCS sẽ học được cách tự học, cũng như đạt được các kiến thức và kỹ năng.

- *Khác (TLM17)*: Các phương pháp khác.

PHỤ LỤC 2: NỘI DUNG CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá là quá trình ghi lại, lưu trữ và cung cấp thông tin về quá trình học tập của NCS. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục. Các phương pháp đánh giá được nêu rõ trong chương trình đào tạo này gắn với đề cương chi tiết từng học phần cấu thành nên chương trình đào tạo. Yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho NCS vào buổi học đầu tiên.

Sau đây là những phương pháp đánh giá được áp dụng trong chương trình đào tạo:

- *Đánh giá chuyên cần - Attendance Check (AM1)*

Cùng với tự học, việc có mặt thường xuyên của NCS và những đóng góp từ NCS trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của họ tới môn học đó.

- *Đánh giá bài tập - Work Assignment (AM2)*

NCS được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa theo những tiêu chí đã thông báo từ trước.

- *Thuyết trình - Oral Presentation (AM3)*

NCS được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể (rubrics).

- *Đánh giá hoạt động - Performance test (AM4)*

NCS được yêu cầu thực hiện một số thao tác cụ thể, kỹ thuật theo yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

- *Nhật kí thực tập - Journal and blogs (AM5)*

NCS viết nhật kí thực tập trong suốt quá trình thực hành để phản ánh hiệu suất và kinh nghiệm trong trải nghiệm học tập. Đây là phương pháp chính để đánh giá NCS trong khoá thực tập.

- *Thi viết tự luận - Essay (AM6)*

Theo phương pháp đánh giá này, NCS được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của khoá học.

- *Kiểm tra trắc nghiệm - Multiple choice exam (AM7)*

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là NCS được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

- *Bảo vệ và thi vấn đáp - Oral Exam (AM8)*

NCS được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần để đánh giá năng lực tổng thể của NCS bao gồm kiến thức và kỹ năng thuyết trình. Tất cả các học phần áp dụng kiểm tra vấn đáp đều có tiêu chuẩn đánh giá (rubrics) và được công bố.

- *Viết báo cáo - Written Report (AM9)*

NCS được đánh giá thông qua các báo cáo, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, hình vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

- *Thuyết trình cá nhân - Oral Presentation (AM10)*

Phương pháp đánh giá này rất giống với phương pháp thuyết trình song là đánh giá tổng kết (summative), được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ hoặc sau khoá học).

- *Đánh giá làm việc nhóm - Teamwork (AM11)*

Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của NCS. Phiếu đánh giá nhóm và tiêu chí đánh giá được công bố rõ.

- *Báo cáo luận văn/đề án - Graduation Thesis/ Report (AM12)*

Trong phương pháp này, NCS được đánh giá thông qua bài báo cáo trước Hội đồng đánh giá được nhà trường ra quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Khoa. NCS thuyết trình báo cáo luận văn/đề án của mình trước Hội đồng. Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng nhận xét và nêu ra các câu hỏi. NCS trả lời trực tiếp câu hỏi tại buổi bảo vệ. Phương pháp này được sử dụng để đánh giá năng lực tổng thể của NCS bao gồm kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm. Hội đồng đánh giá sẽ cho điểm theo Rubric được thể hiện trong đề cương chi tiết. Điểm đánh giá luận văn/đề án là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng.

**PHỤ LỤC 3: ĐỐI SÁNH VỚI MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**

TT	Tên học phần	CT1	CT2	CT3	CT4
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	X	C	X	C
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính - ngân hàng	X	C	X	C
3	Công cụ tài chính vĩ mô	C	C	C	X
4	Các mô hình tài chính hiện đại	X	C	C	C
5	Tài chính công ty nâng cao	C	C	C	C
6	Quản trị rủi ro tài chính	C	C	X	C
7	Quản trị công ty	C	C	X	C
8	Tiểu luận tổng quan	X	X	X	X
9	Chuyên đề nghiên cứu 1	X	X	X	X
10	Chuyên đề nghiên cứu 2	X	X	X	X
11	Luận án	X	X	X	X

C (Close): Học phần có nội dung gần X: Học phần có nội dung tương thích
(Chi tiết của các chương trình đào tạo đối sánh được đính kèm)

Chương trình 1: Doctor of Philosophy, Banking and Finance, Monash University, Australia. (link: <https://handbook.monash.edu/2021/aos/BANKFINP01>)

Chương trình 2: Doctor of Philosophy, Banking and Finance, University of Zurich, Switzerland (link: <https://www.phdportal.com/studies/82905/banking-and-finance.html#content:contents>)

Chương trình 3: Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội (link: <http://ueb.edu.vn/Sub/64/newsdetail/tiensu/11169/chuong-trinh-dao-tao-tien-si-chuyen-nganh-tai-chinh-ngan-hang.htm>)

Chương trình 4: Khoa Sau đại học, Trường ĐH Ngoại Thương (Link: https://www.dropbox.com/sh/2xrhvrvs00qyek5/AABpmOn3fdGUeDcapGM_dnePa?dl=)